

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /UBND-GPMT

Quận 3, ngày 12 tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về phân công công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 3;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về thành lập Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc” tại địa chỉ số 161 đường Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc làm chủ đầu tư;

Căn cứ ý kiến của Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc” tại biên bản kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án tại địa chỉ số 161 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 12 năm 2024;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc đính kèm theo Công văn số 02/CVMT ngày 11 tháng 04 năm 2025 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc địa chỉ số 161 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh,

Xét ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 617/TTr-TNMT ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc” tại địa chỉ số 161 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc làm chủ đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Lê Quang Lộc, địa chỉ số 161 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở “Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 161 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc được thành lập và đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0300516035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/06/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12/03/2024.

1.4. Mã số thuế: 0300516035

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: In ấn thiết kế (ấn phẩm sách, báo, tạp chí, tờ rơi, quảng cáo,...).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Cơ sở được xây dựng trên khu đất có diện tích 3.493,0 m², trong đó diện tích đất sử dụng: 3.039,7 m², diện tích sàn xây dựng: 3.702,08 m².

- Quy mô: cơ sở có tiêu chí phân loại dự án Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 363.430.000 trang/tháng tương đương khoảng 4.361.160.000 trang/năm (theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ Cơ sở).

- Công trình gồm 01 tầng trệt, 02 tầng lầu và các hạng mục công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường (*Chi tiết kèm theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư là Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý đất đai đối với địa điểm thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép để được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ đầu tư thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / 

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Lê Quang Lộc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- TT.UBND Q3;
- P.TNMT Q3; P.KTHTĐT Q3;
- UBND P.VTS;
- Cổng Thông tin điện tử UBND Quận 3;
- VP.UBND Q3;
- Lưu: VT, MT (5).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** 



Phạm Thị Thúy Hằng

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /UBND-GPMT ngày 12 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 3)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, khu vực vệ sinh cá nhân của công nhân viên làm việc, nước vệ sinh thùng rác;
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa máy móc thiết bị nhà xưởng;

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni (tính theo N), Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng phenol, Chì (Pb), Coliform.

2. Dòng nước xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- + Vị trí đầu nối xả thải: số 161 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.
- + Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 30): X (m) = 1192688; Y (m) = 601964.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý được bơm đẩy theo cống ngầm nội bộ, sau đó ra cống chung Thành phố trên đường Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.

2.3.2. Chế độ xả nước: liên tục 24/24 giờ (dùng bơm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, k = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ Cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ)
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	COD	mg/l	150		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Tổng Nitơ	mg/l	40		
7	Tổng Photpho	mg/l	6		
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
9	Tổng phenol	mg/l	0,5		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,5		
11	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh, khu vực vệ sinh cá nhân của công nhân viên làm việc, nước vệ sinh thùng rác được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại sẽ đưa về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải 15m³/ngày.đêm bằng đường ống PVC D90 với chiều dài khoảng 10m để tiếp tục xử lý.

Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực sản xuất được dẫn theo đường mương kín bằng BTCT rộng 400mm, sâu 400mm, dài 20m về hố thu gom và bơm vào hệ thống xử lý về hệ thống xử lý nước thải 15m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất → Hố thu gom → Thiết bị trộn tĩnh → Bể lắng 1 →

Nước thải sinh hoạt → Hố thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể sinh học
→ Bể lắng II → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử

lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K = 1,2 (hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Lý Chính Thắng).

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn, đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.
- Nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.
- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại trạm xử lý nước thải.
- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh); xây dựng hố ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /UBND-GPMT ngày 12 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 3)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Chủ cơ sở không đề xuất cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Bụi và khí thải từ các phương tiện ra vào.
- Bụi và mùi từ quá trình sản xuất.
- Mùi từ nhà vệ sinh, khu vực tập kết chất thải rắn, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Trong quá trình hoạt động của cơ sở không có phát sinh khí thải cần phải xử lý bằng các công trình xử lý trước khi thải ra môi trường. Vì vậy, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải trong quá trình hoạt động, tuy nhiên định kỳ hằng năm, chủ cơ sở cam kết:

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 05:2023/BTNMT – quy định về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi phát tán mùi, bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi và khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 05:2023/BTNMT – quy định về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **05** /UBND-GPMT ngày **12** tháng **5** năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 3)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

Chủ cơ sở không đề xuất cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.
- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.
- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05 /GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Quận 3)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	31
2	Hộp chứa mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	02
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	17
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	234
	Tổng khối lượng:	-	284

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Nhóm chất thải	Mã CTRTT	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	418.844
2	Kẽm cứng (mẫu vụn, cục, thanh, tấm) thải bỏ	07 02 04	23.000
3	Bùn từ hệ thống bể tự hoại	12 06 13	5.304
	Tổng khối lượng:	-	447.148

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Nhóm chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	2.340
2	Chất thải thực phẩm	11.700
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	9.360
	Tổng cộng	23.400

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công kênh:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 02 thùng phuy chứa 200 lít và 2 can nhựa 20 lít có nắp đậy được đặt tại kho chứa chất thải nguy hại và có dán mã phân loại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu hút trực tiếp khi phát sinh tại hệ thống, không lưu tại kho lưu chứa chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 3,5 m².

- Vị trí: Tầng trệt của cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn là nền bê tông chống thấm, mái che, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài, có trần và tường là bê tông kiên cố, có cửa khoá, có biển cảnh báo. Đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Kho chứa rác thải công nghiệp có diện tích 20m².

2.2.2. Biện pháp xử lý: Bùn thải khi đầy hoặc định kỳ hằng năm chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Khu vực nhà xưởng bố trí 06 thùng nhựa HPDE 30 lít có nắp đậy, khu vực văn phòng được đặt 06 thùng nhựa HPDE 20 lít, có nắp đậy. Tại khu vực tập kết rác sinh hoạt bố trí 02 thùng rác sinh hoạt có dung tích 240l.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

+ Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Diện tích 3 m².

+ Vị trí: Bố trí gần cổng bảo vệ để thuận tiện cho công nhân bỏ rác vào và thuận tiện cho công tác thu gom.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công kênh: Do đặc thù loại hình kinh doanh, dịch vụ của cơ sở, đối với các chất thải rắn công kênh chỉ phát sinh trong các đợt bảo trì, bảo dưỡng, không phát sinh thường xuyên nên không lưu chứa tại cơ sở. Khi phát sinh chất thải rắn công kênh, chất thải này sẽ được tập kết tại kho vật tư bảo trì bảo dưỡng, cơ sở sẽ liên hệ và thoả thuận với đơn vị thu gom theo quy định và hẹn thời gian vận chuyển, đưa chất thải công kênh xuống phương tiện vận chuyển của đơn vị thu gom và đưa đi xử lý ngay theo quy định.

3. Yêu cầu chung đối với các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022

của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chất thải phải được phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; chất thải phải được phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 02/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 3)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Cơ sở đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 34/GXN-ĐA-UBND ngày 31/3/2015 do Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp cho Công ty TNHH Một Thành Viên Lê Quang Lộc.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

3. Thanh toán các chi phí liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn đúng quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. Cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6. Chịu trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.